

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 1143/2018/LĐ-PT.

Ngày: 29/11/2018.

V/v Tranh chấp do đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuân.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Liên Minh.

Ông Hồ Minh Cường.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Ái là Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 46/LĐPT, ngày 13 tháng 9 năm 2018 về: “Tranh chấp do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án Lao động sơ thẩm số 258/2018/LĐ-ST, ngày 25/7/2018 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo của bị đơn Công ty L Việt Nam.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4444/2018/QĐPT-LĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoài T. Sinh năm 1989.

Địa chỉ: 316 đường H, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Thu S. Sinh năm 1996.

Địa chỉ: 07 đường T, phường O, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Lê Văn D là Luật sư của Công ty P thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 07 đường T, phường O, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty L Việt Nam.

Trụ sở: A Building, Phòng 7B, số 236 - 238 đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông R. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Mai Thị D1. Sinh năm 1985.

Địa chỉ: 220/14 đường X, phường V, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền ngày 17/7/2017). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Ông Thái Văn C là Luật sư của Công ty G thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 70/1E1 Đường 109, Khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hoài T và lời khai của bà Nguyễn Thị Thu S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại Tòa trình bày:

Ngày 03/01/2015, bà Nguyễn Hoài T và Công ty L Việt Nam (gọi tắt là Công ty) ký Hợp đồng lao động số 01/2015/LC-W với thời hạn 03 (ba) năm, từ ngày 03/01/2015 đến hết ngày 02/01/2018. Bà T làm công việc Chuyên viên nhân sự với mức lương là 10.500.000 đồng/tháng và được tăng 30% mức lương cơ bản vào ngày 01 tháng 01 hàng năm.

Tháng 01/2016, bà T yêu cầu Công ty tăng lương nhưng Công ty không đồng ý. Đồng thời, bà T nhận được Thông báo của Tổng Giám đốc qua email phải bàn giao toàn bộ công việc cho người khác, bị thu máy tính, trang thiết bị làm việc và bị giao làm công việc trái với Hợp đồng lao động như mở cửa khi có khách hàng đến Công ty. Vì không có vị trí làm việc cố định và không được bố trí làm việc nên bà T phải ngồi tạm ở các bàn trống của Công ty, thường xuyên mệt mỏi và nằm úp mặt trên bàn.

Do đó, bà T đã gửi Đơn khiếu nại đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận A và được tham gia hòa giải ngày 29/02/2016 nhưng kết quả hoà giải không thành. Công ty vẫn tiếp tục trả tiền lương cho bà T là 10.500.000 đồng/tháng và kể từ tháng 02/2016 Công ty không đóng các khoản bảo hiểm theo quy định của pháp luật cho bà T.

Ngày 01/3/2016, bà T nhận được Thông báo số 01/2016/TB-W về việc chấm dứt Hợp đồng lao động. Sau đó, bà T nhận được Quyết định số 01/2016/QĐTV-WOOJINVN, ngày 02/4/2016 về việc chấm dứt Hợp đồng lao động số 01/2015/LC-W từ ngày 02/4/2016.

Nhận thấy, việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động của Công ty là trái với quy định của pháp luật lao động, nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên Công ty L Việt Nam đã chấm dứt hợp đồng lao động với bà T trái pháp luật và buộc Công ty L Việt Nam phải:

- Nhận bà T trở lại làm việc.
- Tăng 30% mức lương theo Hợp đồng lao động đã ký kết, cụ thể lương của năm 2016 và năm 2017 tăng lên lần lượt là 13.650.000 đồng/tháng và 17.745.000 đồng/tháng. Đồng thời, Công ty phải trả cho bà T là 9.450.000 đồng tương đương với 30% mức lương mà Công ty chưa tăng từ tháng 01/2016 đến cuối tháng 3/2016.
- Trả tiền lương trong những ngày bà T không được làm việc tại Công ty, tạm tính từ ngày 03/4/2016 đến ngày 02/3/2017 là 158.340.000 đồng.
- Trả thêm 02 tháng tiền lương theo Hợp đồng lao động là 35.490.000 đồng.
- Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho bà T trong những ngày bà không được làm việc tại Công ty theo quy định của pháp luật, tính từ tháng 02/2016 đến cuối tháng 02/2017 là 40.840.800 đồng.
- Nếu Công ty L Việt Nam không đồng ý nhận bà T trở lại làm việc thì Công ty phải bồi thường thêm cho bà T 05 tháng tiền lương là 88.725.000 đồng để chấm dứt Hợp đồng lao động. Đồng thời, Công ty phải trả trợ cấp thôi việc cho 02 tháng thử việc không đóng bảo hiểm thất nghiệp là 3.018.750 đồng.

Tổng số tiền Công ty L Việt Nam phải trả cho bà T tạm tính là 335.864.550 đồng.

Bị đơn Công ty L Việt Nam có bà Mai Thị D1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 03 tháng 01 năm 2015, Công ty L Việt Nam có ký Hợp đồng lao động số 01/2015-WOJINVN với bà Nguyễn Hoài T với chức danh chuyên môn là Chuyên viên nhân sự, làm các công việc liên quan đến nhân sự, hành chính và các công việc khác được giao từ Tổng Giám đốc. Thời gian làm việc từ thứ hai đến thứ sáu, thứ bảy chỉ làm việc buổi sáng. Tăng lương theo quy định của Công ty. Công ty có quyền chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động vi phạm nội quy Công ty.

Đối với các yêu cầu của bà T, Công ty có ý kiến như sau:

- Trong Hợp đồng lao động số 01/2015-W, ngày 03/01/2015 Công ty thỏa thuận tăng lương theo quy định của Công ty, không thỏa thuận tăng lương 30% định kỳ vào ngày 01 tháng 01 hàng năm. Bà T lợi dụng lòng tin, lừa dối Tổng Giám đốc tự ý sửa đổi nội dung hợp đồng lao động theo hướng có lợi cho bà T.
 - Bà T thường xuyên không hoàn thành công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động, vi phạm nội quy công ty, đã được Công ty nhắc nhở nhiều lần bằng email, tin nhắn hoặc văn bản chính thức mà không khắc phục và vẫn cố tình vi phạm.
 - Hợp đồng lao động số 01/2015-W, ngày 03/01/2015 có quy định rõ quyền chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động đối với người lao động vi phạm nội quy công ty.
 - Công ty có thông báo cho bà T về việc chấm dứt hợp đồng lao động đúng theo quy định của Bộ luật lao động.
- Do đó Công ty không đồng ý đối với tất cả các yêu cầu của bà T.

Tại phiên Tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Hoài T yêu cầu:

- Tuyên Quyết định số 01/2016/QĐTV-W, ngày 02/4/2016 của Công ty L Việt Nam chấm dứt hợp đồng lao động với bà Nguyễn Hoài T là trái pháp luật.

Buộc Công ty L Việt Nam phải:

- Tăng 30% mức lương theo Hợp đồng lao động đã ký kết, cụ thể lương của năm 2016 và năm 2017 tăng lên lần lượt là 13.650.000 đồng/tháng và 17.745.000 đồng/tháng. Đồng thời, Công ty phải trả cho bà T là 9.450.000 đồng tương đương với 30% tiền lương mà Công ty chưa tăng từ tháng 01/2016 đến cuối tháng 3/2016.

- Trả tiền lương trong những ngày bà T không được làm việc tại Công ty, tính từ ngày 03/4/2016 đến ngày hợp đồng lao động của bà T hết hạn (ngày 02/01/2018) là 335.595.000 đồng.

- Trả thêm 02 tháng tiền lương theo Hợp đồng lao động là 35.490.000 đồng.

- Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho bà T theo quy định của pháp luật, tính từ tháng 02/2016 đến cuối tháng 8/2016.

Bà T rút các yêu cầu sau:

- Nhận bà T trở lại làm việc hoặc Công ty phải bồi thường thêm cho bà T 05 tháng tiền lương để chấm dứt Hợp đồng lao động.

- Trả tiền trợ cấp thôi việc của 02 tháng thử việc.

Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn Công ty L Việt Nam: Không đồng ý tất cả các yêu cầu của bà Nguyễn Hoài T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ nội dung Đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án Lao động sơ thẩm số 258/2018/LĐ-ST, ngày 25/7/2018 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 38, Điều 41, Điều 42 Bộ luật lao động; Khoản 1 Điều 12 Nghị định 05/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016);

Luật Thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của Bà Nguyễn Hoài T.

Quyết định số 01/2016/QĐTV-WOOJINVN, ngày 02/4/2016 của Công ty L Việt Nam chấm dứt Hợp đồng lao động với bà Nguyễn Hoài T là trái pháp luật.

Buộc Công ty L Việt Nam phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật cho bà Nguyễn Hoài T từ tháng 02/2016 đến hết tháng 8/2016 với mức lương là 13.650.000 đồng/tháng.

Và phải trả cho bà Nguyễn Hoài T các khoản tiền sau:

- Tiền lương tăng 30%/tháng từ tháng 01/2016 đến tháng 3/2016 là 9.450.000 đ (chín triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

- Tiền lương những ngày không được làm việc là 286.650.000 đ (hai trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) cộng với 02 tháng tiền lương là 27.300.000 đ (hai mươi bảy triệu ba trăm ngàn đồng).

Tổng cộng là 313.950.000 đ (ba trăm mười ba triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Nguyễn Hoài T đòi Công ty L Việt Nam phải trả tiền trợ cấp thôi việc của hai tháng thử việc, phải nhận bà T trở lại làm việc hoặc bồi thường 05 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động.

3. Công ty L Việt Nam phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.702.000 đ (chín triệu bảy trăm lẻ hai ngàn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và biện pháp chế tài đối với người không tự nguyện thi hành án.

Trong thời hạn luật định ngày 07/8/2018 bị đơn Công ty L Việt Nam (gọi tắt là Công ty) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung:

Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận A tuyên chưa thấu tình đạt lý, không xem xét toàn diện các chứng cứ, không khách quan, thiếu cơ sở pháp lý gây bất lợi cho Công ty. Nay Công ty kháng cáo với các lý do sau:

1. Thông qua sự giúp sức của bà Bùi Thị Diễm P1, nguyên đơn là bà Nguyễn Hoài T đã lợi dụng D sơ hở trong quản lý, sử dụng chữ ký số bằng USD T của người đại diện theo pháp luật của Công ty W nên đã ngụy tạo Quyết định thôi việc số 02/2016/QĐ-W VN, ngày 22/01/2016 và lập hồ sơ điện tử báo giảm lao động số 389183/HCM.QM, ngày 26/01/2016. Theo quyết định thôi việc trên bà T đã thôi việc kể từ ngày 22/01/2016 và đã được cơ quan Bảo hiểm xã hội Quận A chốt bảo lưu sổ

bảo hiểm xã hội kể từ tháng 02/2016. Sau đó, Bà T đã trực tiếp nhận lại sổ bảo hiểm xã hội của mình tại Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh mà không qua bàn giao từ Công ty.

Từ tháng 9/2016 đến hết tháng 4/2017 bà T đã sử dụng sổ bảo hiểm xã hội để tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty V.

Theo văn bản của Cơ quan Bảo hiểm xã hội Quận A ngày 31/8/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm bà T cũng đã thừa nhận việc đã nhận lại sổ bảo hiểm và không có ý kiến phản đối về Quyết định thôi việc số 02/2016/QĐ-W VN, ngày 22/01/2016. Bị đơn là Công ty W cũng thừa nhận quyết định thôi việc trên là hợp pháp khi cho rằng quyết định được lập và ký bởi người đại diện theo pháp luật của Công ty (bằng chữ USB T). Mặt khác trình tự thủ tục báo giảm lao động của bà T hoàn toàn tuân thủ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, kết quả là giảm lao động bà T từ tháng 02/2016 và bản thân bà T cũng đã nhận lại sổ bảo hiểm xã hội vào ngày 11/3/2016. Như vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 422 Bộ luật dân sự và Khoản 3 Điều 36 Bộ luật lao động thì quan hệ lao động giữa bà Nguyễn Hoài T và Công ty L Việt Nam đã chấm dứt kể từ ngày ký quyết định thôi việc là ngày 22/01/2016 theo sự thỏa thuận giữa các bên. Tòa án cấp sơ thẩm không thừa nhận tính hợp pháp của Quyết định số 02/2016/QĐ-W VN, ngày 22/01/2016 do thỏa thuận của các bên là chủ quan, không xem xét toàn diện chứng cứ và không dựa trên cơ sở pháp lý.

2. Với thủ đoạn gian dối trên và biết mình sẽ nghỉ việc chính thức từ tháng 02/2016, trong thời gian này bà T âm thầm nhận sổ bảo hiểm không thông qua Công ty, nhưng vẫn giả vờ như không có sự việc nghỉ việc nói trên, bà T vẫn đi làm và nhận lương đến hết ngày 01/4/2016. Trong thời gian này bà T cố tình vi phạm các nội quy của Công ty như: Tháng 02/2016 đi trễ 21 lần, tự ý nghỉ việc 04 ngày, tự ý ra ngoài trong giờ làm việc 05 lần, về sớm, tự ý nghỉ trưa sớm 08 lần... Do vậy, ngày 01/3/2016 Công ty ban hành Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với bà T kể từ ngày 01/4/2016 (Thông báo trước 30 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động). Tiếp đó, ngày 02/4/2016 Công ty đã ban hành Quyết định số 01/2016/QĐTV-W VN chấm dứt hợp đồng lao động với bà T kể từ ngày 02/4/2016. Ngày 13/4/2016 Công ty làm thủ tục báo giảm lao động cho bà T, lúc này Bảo hiểm xã hội Quận A thông báo là Công ty đã thực hiện báo giảm cho bà T từ tháng 02/2016 (trước đó khoảng 02 tháng).

Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 01/2016/QĐTV-W VN, ngày 02/4/2016 được ban hành trong hoàn cảnh bên Công ty không biết được mình đã vô tình ban hành quyết định hợp pháp có nội dung tương tự trước đó 02 tháng.

Xét về mặt pháp lý thì Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 01/2016/QĐTV-W VN, ngày 02/4/2016 không có giá trị pháp lý, bởi lẽ quan hệ lao động giữa các bên đã chấm dứt trước đó 02 tháng bằng Quyết định thôi việc số 02/2016/QĐTV-W VN, ngày 02/4/2016 không có giá trị pháp lý để yêu cầu Tòa án giải quyết là không có cơ sở.

Việc Hội đồng xét xử không công nhận Quyết định thôi việc số 02/2016/QĐ-W VN, ngày 22/01/2016 theo thỏa thuận của các bên mà chấp nhận Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 01/2016/QĐTV-W VN, ngày 02/4/2016 (sau khi quan hệ lao động chấm dứt trước đó 02 tháng) khi cho rằng có mâu thuẫn trong việc Công ty một mặt thừa nhận Quyết định thôi việc số 02/2016/QĐ-W VN, ngày 22/01/2016 một mặt lại ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 01/2016/QĐTV-W VN, ngày 02/4/2016. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không khách quan, không xem xét toàn diện chứng cứ, mang tính áp đặt, không có cơ sở pháp lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn đề nghị xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn.

Chấp nhận Quyết định thôi việc số 02/2016/QĐ-WoojinVN, ngày 22/01/2016 của Công ty là có căn cứ.

Tuyên bố Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 01/2016/QĐTV-WoojinVN, ngày 02/4/2016 của Công ty là trái pháp luật.

Công ty và bà T phải ký kết hợp đồng lao động có thời hạn.

Do đó, buộc Công ty phải bồi thường số tiền tương ứng với tiền lương trong những ngày bà T không được làm việc (từ ngày 22/01/2016 đến ngày 22/01/2017) cộng với hai tháng tiền lương cho bà T.

Đồng thời Công ty và bà T cũng phải đóng tiền bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế theo luật định và chốt sổ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho bà T đến ngày 22/01/2017.

Các phần khác giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của Công ty L Việt Nam (Gọi tắt là Công ty) nằm trong thời hạn luật định và Công ty đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên chấp nhận kháng cáo hợp lệ và được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn cho rằng: “Quyết định thôi việc số 02/2016/QĐ-W VN, ngày 22/01/2016 của Công ty tuy được ngụ ý tạo bởi bà T và được sự giúp sức của bà Bùi Thị Diễm Phượng, nhưng xét trên cơ sở pháp luật là hợp pháp, vì quyết định này được ký bởi người đại diện pháp luật Công ty bằng chữ ký USB T và người đại diện theo ủy quyền của Công ty đã thừa nhận. Như vậy, trên thực tế bà T đã được Công ty quyết định cho nghỉ việc hoàn toàn hợp pháp thông qua Quyết định thôi việc số 02/2016/QĐ-W VN, ngày 22/01/2016 do chính bà T soạn thảo và được Giám đốc Công ty chấp thuận đã thể hiện có sự thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động giữa hai bên, không cần thực hiện thủ tục thông báo trước nên quan hệ lao động giữa Công ty và bà T đã chấm dứt kể từ ngày 22/01/2016”.

Căn cứ vào các tài liệu mới, là tài liệu do Công ty sao chụp tại Phòng lao động - Thương binh và Xã hội Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà T là người đã nhận sổ bảo hiểm xã hội do Bảo hiểm xã hội Quận A cung cấp xác định: Quá trình đóng bảo hiểm xã hội của bà T đến tháng 01/2016 là chốt sổ BHXH. (B1 380). Như vậy, chứng tỏ bà T là người lao động có chức danh chuyên môn là Chuyên viên nhân sự, làm công việc liên quan đến nhân sự, hành chính và các công việc liên quan đến nhân sự, thì việc này buộc bà T phải biết, và thực tế bà T đã trực tiếp nhận sổ từ Bảo hiểm xã hội Quận A, nếu việc chốt sổ bảo hiểm xã hội không đúng thì bà phải có ý kiến, do đó yêu cầu của phía bị đơn cho là đến hết tháng 01/2016 hai bên đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động là có căn cứ.

Mặc dù bà Nguyễn Hoài T không thừa nhận việc bà T là người soạn thảo Quyết định số 02/2016/QĐ-W VN, ngày 22/01/2016 nhưng tại phiên tòa đại diện bị đơn khai rằng trong thời kỳ từ tháng 01/2015 đến ngày 22/01/2016 phòng Hành chính nhân sự chỉ có duy nhất bà T phụ trách và bà T là người trực tiếp phụ trách nhân sự, hợp đồng lao động, báo cáo các cơ quan phụ trách lao động địa phương và bảo hiểm xã hội Quận A nên buộc bà T phải biết hợp đồng lao động bà T ký với Công ty là hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm.

Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xuất trình tình tiết mới là Bản báo cáo khai trình tình hình sử dụng lao động có xác nhận của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận A xác nhận ngày 09/02/2015 thể hiện bà Nguyễn Hoài T, sinh năm 1989, làm công tác Nhân viên hành chính ký hợp đồng lao động xác định thời hạn là 01 năm.

Đồng thời loại hợp đồng lao động mà Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận A cung cấp cho Tòa án là loại hợp đồng lao động xác định thời hạn là 01 năm. Cộng với tất cả các tài liệu bị đơn cung cấp là các hợp đồng lao động, có xác nhận của những người lao động là các nhân chứng gồm: Bà Nguyễn Ngọc P1, bà Trần Thị Đ, bà Trần Mỹ N, bà Phạm Thị Mỹ T1, bà Nguyễn Thị Kim L1 đã cung cấp cùng thời điểm đó cùng ký kết hợp đồng lao động và cùng làm việc với bà T thì các hợp đồng trên chỉ có loại hợp đồng lao động xác định thời hạn là một năm, do đó hợp đồng lao động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận A cung

cấp cho Tòa án về hợp đồng lao động với bà T là loại hợp đồng xác định thời hạn 01 năm từ ngày 22/01/2015 đến ngày 22/01/2016.

Do vậy, yêu cầu kháng cáo của bị đơn cho rằng hợp đồng lao động giữa Công ty và bà T là loại hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm và đến ngày 22/01/2016 hai bên đã chấm dứt hợp đồng lao động là có cơ sở và được chấp nhận.

Tuy nhiên dù cho bà T và Công ty thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 22/01/2016. Nhưng ngay sau đó bà T vẫn đi làm việc bình thường tại Công ty và Công ty không có phản đối gì thì căn cứ Khoản 2 Điều 22 Bộ luật lao động 2013, Công ty phải ký lại hợp đồng lao động mới với bà T, mà nếu không ký hợp đồng lao động mới thì quan hệ hợp đồng lao động giữa bà T và Công ty đương nhiên được xác lập và do vậy hợp đồng lao động giữa bà T và Công ty là loại hợp đồng lao động xác định thời hạn.

Sau đó Công ty lại ban hành Quyết định số 01/2016/QĐ-W VN, ngày 02/4/2016 về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động như vậy là Công ty vẫn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là có cơ sở. Tuy nhiên phải xét xem hợp đồng lao động giữa bà T và Công ty là loại hợp đồng lao động nào.

Xét thấy: Căn cứ vào tài liệu do bị đơn cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm là xác nhận của Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thể hiện: “*Từ tháng 9/2016 đến tháng 4/2017 HC-NS Công ty V*” (Bl 378). Như vậy, đến tháng 9/2016 bà T đã không làm việc tại Công ty L Việt Nam. Do đó, căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 22 Bộ luật lao động 2013 xác định bà T và Công ty đã xác lập quan hệ lao động mới và hợp đồng lao động giữa bà T và Công ty trở thành hợp đồng lao động xác định thời hạn là 01 năm, có hiệu lực từ ngày 22/01/2016 đến ngày 22/01/2017 và đến ngày 02/4/2016, Công ty ra quyết định cho thôi việc là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Giải quyết hậu quả của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật:

Căn cứ theo Điều 42 Bộ luật lao động Công ty phải thanh toán cho bà T các khoản tiền sau:

- Số tiền tương ứng với tiền lương của bà T trong những ngày không được làm việc kể từ ngày 02/4/2016 đến ngày 22/01/2017: (09 tháng và 20/26 ngày) với tổng số tiền là 10.500.000 đồng x 09 tháng 20 ngày = 102.576.923 đồng.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương là 21.000.000 đồng.

Tổng cộng là 123.576.923 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút các yêu cầu đòi Công ty phải trả tiền trợ cấp thôi việc của hai tháng lương thử việc. Phải nhận bà T trở lại làm việc hoặc bồi thường 05 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao

động. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Về đóng tiền bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: Án sơ thẩm xử chỉ buộc Công ty đóng tiền Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế là chưa đủ, cần phải buộc bà T cùng Công ty phải đóng tiền bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu là chính xác.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016);

Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty L Việt Nam phải chịu án phí trên số tiền 123.576.923 đồng, mức án phí sơ thẩm là 3.707.307 đồng.

Bà Nguyễn Hoài T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Công ty L Việt Nam không phải chịu. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) Công ty đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0026433 ngày 15/8/2018 được hoàn lại.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ các Điều 308; Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 38, Điều 41, Điều 42 Bộ luật lao động; Khoản 1 Điều 12 Nghị định 05/NĐ-CP, ngày 12/01/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016);

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty L Việt Nam.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Hoài T.

Quyết định số 01/2016/QĐTV-WOJNVN, ngày 02/4/2016 của Công ty L Việt Nam chấm dứt Hợp đồng lao động với bà Nguyễn Hoài T là trái pháp luật.

Buộc Công ty L Việt Nam và bà Nguyễn Hoài T phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật cho bà Nguyễn Hoài T từ ngày 02/4/2016 đến ngày 22/01/2017 với mức lương là 10.500.000 đồng/tháng.

Công ty L Việt Nam phải trả cho bà Nguyễn Hoài T các khoản tiền sau:

- Tiền lương những ngày không được làm việc cộng với 02 tháng tiền lương là 123.576.923 đ (một trăm hai mươi ba triệu, năm trăm bảy mươi sáu ngàn, chín trăm hai mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Nguyễn Hoài T đòi Công ty L Việt Nam phải trả tiền trợ cấp thôi việc của hai tháng thử việc; phải nhận bà T trở lại làm việc hoặc bồi thường 05 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty L Việt Nam phải chịu án phí là 3.707.307 đ (ba triệu, bảy trăm lẻ bảy ngàn, ba trăm lẻ bảy đồng).

Án phí lao động phúc thẩm: Công ty L Việt Nam không phải chịu. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Công ty đã tạm nộp là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0026433, ngày 15/8/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao (1);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM (1);
- Viện kiểm sát ND Tp.HCM (2);
- Cục THA Dân sự Tp.HCM (1);
- Tòa án nhân dân Quận A (2);
- Chi cục THA Dân sự Quận A (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu (10). (22b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Xuân